TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE** Số: **155**/2021/QĐST-VDS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Châu Thành, ngày 19 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Trần Ngọc C**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. **Chị Văn Thị Thùy L**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc C và chị Văn Thị Thùy L kết hôn vào năm 2017, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/8/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm, tính tình không phù hợp, thiếu sự quan tâm chia sẽ nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh C và chị L đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh C và chị L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh C và chị L thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh C và chị L có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2018. Sau khi ly hôn, chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

[3] Về tài sản chung: Anh C và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét; nợ chung: Anh C và chị L cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Châu và chị Linh phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc C và chị Văn Thị Thùy L.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi có Quyết định của Tòa án đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung: Anh C và chị L cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C và chị L phải chịu nhưng anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005078 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền